

# PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

## QUYỂN 4

### ***Thiên thứ 3: NHẬT NGUYỆT***

Thiên này gồm có mười ba phần: Đó là Thuật ý, Tinh tú, Nhật cung, Nguyệt cung, Hàn hử, Chiết dụng, Khuy doanh, Thăng vân, Chấn lôi, Kích điện, Giáng vũ, Thất hậu, Địa động.

#### ***Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý***

Nếu xem trước khi thế giới chưa thành, thì đất trời vẫn còn mờ mịt, sau khi chúng sinh trỗi thực, tam quang mới bắt đầu thấp lên. Động mối từ tâm trong ý thức, mở mọi suy niệm tối phúc lành. Ngự dương khí để truyền quang, gạn bóng tối để phát sáng. Cưỡi giông gió để xoay vần, theo quy thành để hợp luật. Liệu mưa nắng trong Tam giới, treo sáng chiếu ở bốn châu. Tuy sắp xếp tại Trời cao, cũng ứng điềm xuống hạ giới.

Đến như bậc đức sánh quân vương, vận hành theo vương đạo, kẻ bất nghĩa thần tử, quay hướng lại đường lành. Ba bước dẫn đo, khen lời hay mà ban phúc, năm tầng xuất hiện, bày điềm xấu để răn gian. Ngửa trông tinh lượng, cúi sửa lương tâm.

Công năng của nhật nguyệt, to lớn biết dường nào!

#### ***Thứ hai: PHẦN TINH TÚ***

Như kinh Đại Tập nói: “Bấy giờ, Long vương Ta Già La bạch Bồ tát Thù Trí La Bà rằng: “Thưa Đại sĩ, các tinh tú này vốn được ai nói đến? Ai làm sao lớn sao nhỏ? Ai làm mặt trời mặt trăng? Mặt trời sao lại ở giữa? Sao nào có trước, ở trong hư không? Lại do ai sắp đặt ba mươi ngày thành tháng, mười hai tháng thành năm? Sao gọi là thời? Sao lệ thuộc vào đâu? Sao có tên họ là gì? Sao nào tốt? Sao nào xấu? Cúng sao bằng gì? Thế nào là ngày, là đêm, là mặt trời, là mặt trăng, là tinh tú? Thế nào là di chuyển? Trong các vị Thánh, ngài là bậc chí tôn đệ nhất, xin thương xót thân phận rộng tôi mà giải thích giùm cho.

Chúng tôi nghe xong, liền giải tỏa mọi thắc mắc khổ não và xin kính cẩn phụng hành”.

Bấy giờ, Bồ tát Thù Trí La Bà bảo các Long vương rằng: “Vào thời quá khứ, ở đầu hiền kiếp này, có vị Thiên tử tên là Đại Tam Ma Đa, đoan chính bậc nhất, thông minh tài trí, đem lễ phải dạy dân. Thường chuộng thanh tịnh, không ham luyến ái, luôn giữ mình trong sạch. Nhà vua có hoàng hậu ham mê sắc dục. Nhà vua lại không lui tới, nên hoàng hậu không được thỏa lòng. Từng có một lần, hoàng hậu thấy trong bầy lừa có một con ló ra dương vật, khiến lòng dục phát động, liền thoát y bước đến. Con lừa ấy thấy vậy, bèn cùng giao phối mà có thai. Đây ngày tháng, hoàng hậu cũng sinh con. Đầu, tai, miệng, mắt đều giống lừa, chỉ có thân hình là giống người, nhưng da dẻ thô nhám, lông lá rần rỉ phủ đầy, chẳng khác loài vật. Hoàng hậu thấy qua, kinh hoàng sợ hãi, liền sai đem liêng vào hầm xí. May nhờ phước đức, đứa bé treo lơ lửng không bị rơi xuống. Bấy giờ, có bà La sát tên là Lô Thần, thấy đứa bé không bị ô nhiễm, nghĩ rằng đứa bé có phước lành, liền đứng giữa không trung đưa tay ẵm lấy. Tắm rửa sạch sẽ, mang về núi Tuyết Sơn, cho bú mớm ăn uống, xem như con ruột chẳng khác chút gì. Đến khi trưởng thành, dạy cho phép uống thuốc tiên và cùng các đồng tử nhà Trời đêm ngày chơi đùa. Lại có vị Trời lớn cũng đến thương yêu chăm sóc. Đứa bé này ăn uống các loại quả ngon thuốc tốt, nên thân thể đổi khác. Phước tướng trang nghiêm, hào quang chiếu diệu. Nhờ thế, Thiên chúng đều cùng khen ngợi, gọi là Khư lô sắt tra, tiếng Hán là Thánh nhân đại tiên Lô thần. Nhờ nhân duyên này, trong núi Tuyết Sơn và các chỗ khác, đều mọc lên các loài hoa đẹp, quả ngon, thuốc quý, hương thơm, có các nguồn suối trong lành, các loài chim xinh xắn. Tại nơi ở, nơi đi, các thứ ấy đều dồi dào đầy đủ. Nhờ nhân duyên quả ngon thuốc quý phong phú này, các hình tướng thô thấp còn lại của đại tiên đều biến đổi. Thân thể trở thành đoan chánh, chỉ còn môi miệng giống lừa, nên gọi là vị Tiên môi lừa. Vị tiên môi lừa này theo học phép Thánh, trải qua sáu vạn năm, đứng nhón trên một chân, ngày đêm không hề buông xuống, lòng không cảm thấy mệt mỏi. Chư Thiên thấy đại tiên chịu khổ như vậy, bấy giờ, các Phạm chúng và Trời Đệ-thích cùng chư Thiên khác trên cõi Dục giới và Sắc giới, đều cùng nhau tụ họp lễ bái, cúng dường, cho đến hết thấy các loài Rồng, A-tu-la, Dạ-xoa đều tề tựu đông đúc, còn có các tiên Thánh, người tu Phạm hạnh, đều đến bên vị Thánh nhân Lô thần này, tất cả đều cúng dường, chấp tay hỏi rằng: “Thánh nhân đại tiên muốn cầu xin điều gì, vì chư Thiên chúng tôi, hãy nói ra đi. Nếu có thể được,

chúng tôi sẽ lập tức đáp ứng, không hề nuối tiếc”.

Bấy giờ, đại tiên Lô thần nghe xong, trong lòng lấy làm phước đức may mắn, liền trả lời rằng: “Chắc hẳn đã xứng đáng với lòng mong ước của ta rồi, nay xin nói sơ qua. Ta nhớ lại từ thuở tiền kiếp xa xưa, thấy giữa hư không có mặt trời mặt trăng, Nhị thập bát tú và Ngũ tinh, ngày đêm vận hành đúng phép, chiếu sáng cho thiên hạ. Ta từng mong ước hiểu biết rõ ràng, chỉ hiểm trí thức tối tăm, nên đã không ngại ngừng chịu bao gian khổ. Nay vào đầu hiền kiếp, gặp được chuyện hi hữu này. Tất cả chư Thiên, long thần các ngài, vì thương xót ta mà đến nơi đây, xin hãy thuyết minh công năng của mặt trời mặt trăng và các tinh tú, cũng như từ thuở xa xưa đã được an bài, cách thức vận hành, tính chất lành dữ tốt xấu. Xin giải thích đầy đủ theo nguyện vọng của ta.

Tất cả chư Thiên đều trả lời: “Thưa đại tiên, điều này rất sâu xa, không thuộc lãnh vực của chúng tôi. Nếu vì thương xót tất cả chúng sinh, từ thời quá khứ, xin đại tiên mau mau phát biểu ý kiến của ngài”. Bấy giờ, đại tiên Khu lô sắt tra mới bảo cùng tất cả chư Thiên: “Bắt đầu xếp đặt tinh tú, thì sao Mão trước tiên, rồi các sao khác tiếp theo mà vận hành giữa hư không. Thưa chư Thiên, nói sao Mão được xếp đặt trước tiên, điều ấy đúng chăng?”. Bấy giờ, vua Mặt trời nói rằng: “Sao Mão này thường vận hành giữa hư không, trải qua khắp bốn châu, thường làm điều thiện, giúp ích chúng ta. Nên biết rằng sao ấy thuộc về Hỏa thiên”. Lúc ấy, trong đại chúng có vị Thánh nhân tên là Đại Uy Đức, lại nói thế này: “Sao Mão ấy là con của em gái tôi. Sao ấy có bảy ngôi, hình như dao cạo tóc. Trong một ngày đêm, trải qua bốn châu, đi được ba mươi thời. Thuộc về Hỏa thiên, họ Tỳ da ni. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy cứng bằng bơ sữa đặc”.

Kế tiếp, xếp đặt Tất làm sao thứ hai, thuộc về Thủy thiên, họ Phả la đọa. Sao ấy có năm ngôi, hình như chĩa dưng đứng. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cứng bằng thịt hươu.

Kế tiếp, xếp đặt Chủ làm sao thứ ba, thuộc về Nguyệt thiên, tức là con của vua Mặt trăng, họ Tỳ lê già da ni. Sao ấy có ba ngôi, hình như đầu hươu. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cứng bằng cuống quả và quả.

Kế tiếp, xếp đặt Sâm làm sao thứ tư, thuộc về vua Mặt trời, họ Bà tư thất hy. Tính rất ác, nhiều sân hận. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được ba mươi lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cứng bằng bơ sữa.

Kế tiếp xếp đặt Tỉnh làm sao thứ năm, thuộc về vua Mặt trời, họ Bà tư thất hy. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng lúa trộn với mật ong.

Kế tiếp, xếp đặt Quỷ làm sao thứ sáu, thuộc về Tuế tinh thiên, là con của Tuế tinh, họ Bào ba na tỳ. Tính ôn hòa, thích tu phép thiện. Sao ấy có ba ngôi, hình như tướng bụng tròn của chư Phật. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bông lúa trộn với mật ong.

Kế tiếp, xếp đặt Liễu làm sao thứ bảy, thuộc về Xà thiên, tức là họ Xà. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo sữa.

Bảy sao trên đây chủ trì ở cửa Đông.

Kế tiếp, xếp đặt sao thứ nhất của phương Nam là Thất tinh, thuộc về Hỏa thiên, họ Tân già da ni. Có năm ngôi sao, hình như bờ sông. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo nấu từ gạo lức và mè đen.

Kế tiếp, xếp đặt Trương làm sao thứ hai, thuộc về Phước đức thiên, họ Cù đàm di. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng quả Tỳ la bà.

Kế tiếp, xếp đặt Dực làm sao thứ ba, thuộc về Lâm thiên, họ Kiêu trần như. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng đậu xanh đậu đen nấu chín.

Kế tiếp, xếp đặt Chấn làm sao thứ tư, thuộc về Sa tỳ lê đế thiên, họ Ca già diên, là con của Hiết tiên. Sao ấy có năm ngôi, hình như tay người. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo nấu từ hạt bông cỏ.

Kế tiếp, xếp đặt Giốc làm sao thứ năm, thuộc về Hỷ lạc thiên, họ Chất đa la diên ni, là con của Càn thất bà. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cơm nấu từ các loại hoa.

Kế tiếp, xếp đặt Cang làm sao thứ sáu, thuộc về Ma đố la thiên, họ Cà chiên diên ni. Chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng đậu xanh trộn với sữa và mật nấu chín.

Kế tiếp, xếp đặt Đê làm sao thứ bảy, thuộc về Hỏa thiên, họ Ta cát lợi đa da ni. Một ngày đêm đi được 35 thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thức ăn nấu từ các loại hoa.

Bảy sao trên đây chủ trì cửa Nam.

Kế tiếp, lại xếp đặt sao thứ nhất của phương Tây là Phòng, thuộc về Tỳ thiên, họ A lam bà da ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như chuỗi ngọc. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng rượu thịt.

Kế tiếp, xếp đặt Tâm làm sao thứ hai, thuộc về Đế-thích thiên, họ La diên na. Sao ấy có ba ngôi, hình như hạt đại mạch. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo gạo lức.

Kế tiếp, xếp đặt Vĩ làm sao thứ ba, thuộc về Liệp sư thiên, họ Ca già da ni. Sao ấy có bảy ngôi, hình như đuôi bò cạp. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thức ăn làm từ củong quả.

Kế tiếp, xếp đặt Cơ làm sao thứ tư, thuộc về Thủy tiên, họ Mô xoa ca chiên diên ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như sừng trâu. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng nước cốt của vỏ cây Ni câu đà.

Kế tiếp, xếp đặt Đẩu làm sao thứ năm, thuộc về Hỏa thiên, họ Mô già la ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như người mở đất. Một ngày đêm đi được bốn mươi lăm thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bông lúa trộn với mật ong.

Kế tiếp, xếp đặt Ngưu làm sao thứ sáu, thuộc về Phạm Thiên, họ Phạm lam ma. Sao ấy có ba ngôi, hình như đầu trâu. Một ngày đêm đi được sáu thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bơ sữa.

Kế tiếp, xếp đặt Nữ làm sao thứ bảy, thuộc về Tỳ nữ thiên, họ Đế lợi ca già da ni. Sao ấy có bốn ngôi, hình như hạt đại mạch. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thịt chim.

Bảy sao trên đây chủ trì ở cửa Tây.

Kế tiếp, lại xếp đặt sao thứ nhất của phương Bắc là Hư, thuộc về Đế-thích thiên, là con của Ta bà thiên, họ Kiều trần như. Sao ấy có bốn ngôi, hình như chim. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng nước cốt đậu đen nấu chín.

Kế tiếp, xếp đặt Ngụy làm sao thứ hai, thuộc về Đa la noa thiên, họ Đơn na ni. Một ngày đêm đi được mười lăm thời. Người chịu ảnh

hưởng của sao ấy thì cúng bằng cháo gạo lúc.

Kế tiếp, xếp đặt Thất làm sao thứ ba, thuộc về Xà đầu thiên, là con của Hiết thiên, họ Xà đô ca ni câu. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thịt và huyết.

Kế tiếp, xếp đặt Bích làm sao thứ tư, thuộc về Lâm thiên, là con của Bà lâu na, họ Đà nan xà. Sao ấy có hai ngôi, hình như dấu chân. Một ngày đêm đi được bốn mươi lăm thì. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng thịt.

Kế tiếp, xếp đặt Khuê làm sao thứ năm, thuộc về Phú sa thiên, họ A sắt tra bài ni. Sao ấy chỉ có một ngôi, hình như nốt ruồi của phụ nữ. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng bơ sữa đặc.

Kế tiếp, xếp đặt Lâu làm sao thứ sáu, thuộc về Càn thất bà thiên, họ A-hàm bà. Sao ấy có ba ngôi, hình như đầu ngựa. Một ngày đêm đi được ba mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng cơm đại mạch và thịt.

Kế tiếp, xếp đặt Vị làm sao thứ bảy, thuộc về Diêm ma la thiên, họ Bạt già tỳ. Sao ấy có ba ngôi, hình như chân đỉnh. Một ngày đêm đi được bốn mươi thời. Người chịu ảnh hưởng của sao ấy thì cúng bằng gạo lúc, mè đen và táo hoang.

Bảy sao trên đây chủ trì ở cửa Bắc.

Trong hai mươi tám sao này, có năm sao một ngày đêm đi được bốn mươi lăm thời, ấy là các sao Tất, Sâm, Đê, Đẩu và Bích. Danh từ và ý nghĩa của hai mươi tám sao thật rộng lớn bao la, khó đạt đến chỗ thâm diệu, nên không thể nêu ra đầy đủ. Hôm nay khi ta nói sơ lược về hai mươi tám sao này, mong chư Thiên cùng nghe, thấy đều hoan hỷ. Bấy giờ, đại tiên Khư lô sắt tra, đứng trước đại chúng, chấp tay nói rằng: “Như thế, là đã xếp đặt xong thì, ngày, tháng, năm và các sao lớn nhỏ”. (Việc sắp đặt này, trước đây, có một quyển kinh nói đến, nhưng vì văn từ nhiều quá, nên không chép vào).

Sao gọi là có sáu thời? Xin thưa rằng tháng giêng, tháng hai gọi là thời nắng ấm. Tháng ba, tháng tư gọi là thời trồng trọt. Tháng năm, tháng sáu gọi là thời cầu mưa xuống. Tháng bảy, tháng tám gọi là thời thực vật sắp chín. Tháng chín, tháng mười gọi là thời lạnh cóng. Tháng mười một, tháng mười hai gộp lại thì tuyết nhiều của tháng mười hai này. Như thế, mười hai tháng chia làm sáu thì. Lại nữa, có tám sao lớn. Ấy là Tuế tinh, Huỳnh hoặc tinh, Trấn tinh, Thái bạch tinh, Thần tinh,

Nhật tinh, Nguyệt tinh và Hà la hầu tinh. Lại nữa, có hai mươi tám sao nhỏ. Ấy là các sao từ Mão đến Vị đã nói ở trước. Như thế, ta đã theo thứ tự sắp đặt xong xuôi. Chư Thiên đều được nghe qua, có suy nghĩ gì không?

Bấy giờ, tất cả các Trời, Tiên, A-tu-la, Rồng và Na la đều chấp tay đáp rằng: “Vào hôm nay, giữa đại chúng chư Thiên, đại tiên là bậc đáng tôn kính nhất, cho đến các loại rồng và A-tu-la cũng không thể nào hơn. Trí tuệ và từ tâm của ngài thật là bậc nhất. Từ vô lượng kiếp, ngài đã không quên thương xót tất cả chúng sinh, nên hưởng được phước báo. Trong tất cả Thiên chúng, không ai có được trí tuệ như thế, diễn giải như thế. Lại càng không có chúng sinh nào có thể làm được như thế. Tất cả đều hoan hỷ, an lạc. Tốt đẹp thay! Hôm nay Ngài đã ổn định tất cả mọi chúng sinh”.

Bấy giờ, đại tiên Khư lô sắt tra lại nói thế này: “Trong một năm tròn mười hai tháng trước sau ấy, với công dụng ấy, và các tinh tú lớn nhỏ ấy, chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, ta đã diễn giải trọn mọi quy luật. Bấy giờ, lại xếp đặt bốn đại Thiên vương vào bốn phía núi Tu-di. Mỗi phía một Thiên vương, để từ đó mỗi vị chăm lo lợi ích cho chúng sinh”. Tất cả đại chúng đều xưng tụng: “Tốt lành thay!” và đều hoan hỷ vô cùng. Bấy giờ, tất cả chư Thiên, rồng, Dạ-xoa, A-tu-la đều ngày đêm cúng dường đại tiên. Về sau, trải qua vô lượng kiếp, lại có đại tiên tên là Ca lực, xuất thế, diễn giải cách khác. Xếp đặt các tinh tú, tháng đủ thiếu, thời tiết căn bản (thấy kinh có nói). Nay cứ tạm thời xếp đặt hai mươi tám sao, theo chỗ lệ thuộc khác nhau, nên mỗi sao đều có linh nghiệm riêng. Bởi thế, kinh Đại Tập nói: “Bấy giờ, Phật bảo các chúa của thế giới Ta bà là Đại Phạm Thiên vương, Thích-đề-hoàn nhân và bốn Thiên vương rằng: “Đại tiên thời xưa làm cách nào xếp đặt các tinh tú lớn nhỏ để hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh?”. Các Đại Phạm Thiên vương bạch Phật rằng: “Đại tiên xưa đã xếp đặt các tinh tú lớn nhỏ để hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh như sau. Tại bốn phương, mỗi phương đều có chủ trì riêng. Phương Đông có bảy sao: Một là Giốc, chủ trì cho loài chim. Hai là Cang, chủ trì cho những người xuất gia cầu học Thánh đạo. Ba là Đê, chủ trì cho chúng sinh sống dưới nước. Bốn là Phòng, chủ trì cho những người đi xe kiếm lợi. Năm là Tâm, chủ trì cho nữ giới. Sáu là Vĩ, chủ trì cho chúng sinh sống ở doi bãi. Bảy là Cơ, chủ trì cho thợ làm đồ gốm. Phương Nam cũng có bảy sao: Một là Tĩnh, chủ trì cho thợ làm kim khí. Hai là Quý, chủ trì cho tất cả quân vương đại thần. Ba là Liễu, chủ trì cho loại rồng ở Tuyết Sơn. Bốn là

Tinh, chủ trì cho phú hộ. Năm là Trương, chủ trì cho kẻ trộm cắp. Sáu là Dực, chủ trì cho thương gia. Bảy là Chấn, chủ trì cho nước Tu la tra. Phương Tây có bảy sao: Một là Khuê, chủ trì cho người đi ghe tàu. Hai là Lô, chủ trì cho thương gia. Ba là Vị, chủ trì cho nước Bà Lô Ca. Bốn là Ngang, chủ trì cho loài trâu. Năm là Tất, chủ trì cho tất cả chúng sinh. Sáu là Chủy, chủ trì cho nước Tỳ-đề-ha. Bảy là Sâm, chủ trì cho Sát lợi. Phương Bắc có bảy sao: Một là Đẩu, chủ trì cho nước Kiêu Bộ Sa. Hai là Ngưu, chủ trì cho Sát lợi và nước An đa bát kiệt na. Ba là nữ, chủ trì cho nước Ương già ma già đà. Bốn là Hư, chủ trì cho nước Na Già La. Năm là Nguy, chủ trì cho việc đội mũ đẹp. Sáu là Thất, chủ trì cho nước Càn đà la, Thâu lô na và các loài Rồng, rắn bò bằng bụng. Bảy là Bích, chủ trì cho các nhạc công lành nghề Càn thất bà. Đại đức Bà già bà, đại tiên thưở xưa, đã xếp đặt các tinh tú lớn nhỏ ở bốn phương để hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh như thế”. Bấy giờ, Phật bảo các Đại Phạm Thiên vương rằng: “Các ông hãy nghe kỹ: Đối với thế gian, Thiên tiên, ta có tất cả mọi kiến giải cao siêu nhất, cũng đã sai các tinh tú lớn nhỏ hộ trì quốc độ, nuôi dưỡng chúng sinh. Các ông tuyên bố cho các tinh tú ấy biết rằng ta đã phân chia quốc độ, chúng sinh như thế. Mỗi một tinh tú đều theo phận mình hộ trì, dưỡng dục chúng sinh. Các nước lớn nhỏ đều lệ thuộc vào hai mươi tám tinh tú ấy”.

Hỏi: “Các sao này có hình dáng lớn nhỏ như thế nào?”.

Đáp: Theo kinh Tăng-nhất- A-hàm nói: “Sao lớn thì một do tuần, sao nhỏ thì hai trăm bộ”. Kinh Lô Thán nói: “Sao lớn có chu vi bảy trăm dặm, sao nhỏ hai trăm dặm. Sao là cung điện của chư Thiên”. Luận Du Già nói: “Trong các tinh tú, sao lớn thì một tám câu lô xá, sao trung bình thì 10 câu lô xá, sao nhỏ nhất thì bốn câu lô xá”.

Thuật rằng: “Nếu theo nội điển, các tinh tú này là cung điện của chư Thiên, trong đó, chư Thiên cư trú. Tùy theo sức phước báo, xuất hiện hào quang. Nếu theo sách thế gian thì bảo là đá. Thế nên, đời Tống có sao băng, mảnh rơi xuống như đá. Có người bảo không phải sao băng, chính là đá của thiên hà rơi xuống. Bởi vậy, sách thế gian nói rằng: “Sông trên trời và sông dưới đất cùng liền nhau, nên ở Hà Nội thường có đá rơi xuống”. Như kinh Tu-di Tượng Đồ Sơn nói: “Trên trời có sông tên là Da ma la di chuyển giữa không trung. Lâu lâu, có đá cát lớn nhỏ rơi lớt xuống, được cho là sao”. Đây không phải là chánh kinh, chẳng qua là do người đời ngụy tạo, đồn đại nhằm nhí, không đúng với lời Phật nói.

Vào niên hiệu Trinh Quan thứ 18 (644), sau ngày Bính Thân, tháng



mười, tại huyện Văn Thủy, giữa Phần Châu và Tinh Châu, trời nổi sấm sét lớn, trong mây, giữa không trung, rơi xuống một hòn đá, lớn bằng mỏ chim trĩ. Trên lưng gồ, dưới bụng phẳng. Huyện thừa đó là Trương Hiếu Tĩnh cùng quan viên ở Phần Châu đem tâu lên. Bấy giờ, Trương lão chùa Bồ Đề của nước Ma Già Đa bên Tây Vực đến Lạc Dương, nổi tiếng hiểu khắp trong ngoài. Nhà vua ban sắc hỏi. Trương lão tâu rằng: “Đó là thức ăn của rồng. Do hai con tranh cãi, nên rơi xuống như đá”. Nhà vua chuẩn tấu và phán rằng: “Cứ gì từ trời rơi xuống, đều gọi là sao!” Than ôi! Vật thể của trời cao, phàm thế không ước lượng nổi, làm cho người ta khó hiểu, không gì bằng trời đất. Thế gian nói rằng: “Trời là tinh khí. Mặt trời là dương tinh. Tinh tú là tinh hoa của vạn vật”. Đó là điều Nho giáo xếp đặt. Mỗi khi sao băng, liền hóa thành đá. Nếu tinh hoa là đá thì không thể phát ra hào quang. Đặc tính của đá lại nặng nề, liệu gắn mắc vào đâu? Đường kính của sao nhỏ có hằng trăm dặm, đầu đuôi của sao lớn cách nhau hằng mấy vạn dặm. Vật hằng trăm dặm có liên quan với vật mấy vạn dặm, rộng hẹp nghiêng lệch, thường không dư thiếu. Vả lại, sao cùng mặt trời mặt trăng có hào quang giống nhau, chỉ khác nhau về độ lớn nhỏ. Thế thì mặt trời mặt trăng cũng là đá chăng? Đá thì rắn chắc, quạ thỏ làm sao dung thân? Đá ở trong khí, liệu có thể vận chuyển một mình? Mặt trời mặt trăng và các tinh tú, nếu là khí, mà khí thì nhẹ nổi, mới hợp cùng trời. Đi lại, xoay vần không được sai chạy. Thỉnh thoảng nhanh chậm, đâu có như nhau? Vì sao mặt trời mặt trăng và các tinh tú lớn nhỏ có độ số, di chuyển khác nhau, lại cho là khí rơi xuống, bỗng nhiên thành đá? Đất là phần cận, đáng lý phải chìm lắng sâu dày. Đào đất gặp suối phun vọt lên trên. Dưới lớp nước ấy, còn có vật gì? Sông ngòi, trăm suối phát sinh từ đâu? Đổ về biển Đông, sao không đầy tràn? Từ ao đến làng, rạch chảy về đâu? Hòn đá cháy sém, khí nào như thế? Thủy triều lên xuống, do ai điều khiển? Sông trời lơ lửng, sao không rơi xuống? Thế nước tụ chỗ thấp, sao lại vọt lên cao? Thuở trời đất mới tạo dựng, đã có tinh tú rồi, khi còn chưa phân chín châu, chưa chia các nước. Việc phân chia khu vực, theo độ số sao đi, có từ thời phong kiến trở lại, do ai cắt đặt? Số nước thì có tăng giảm, lượng sao lại không thay đổi. Chỉ điềm họa phước, không hề sai chạy. Thiên tượng bao la, tinh tú rất nhiều, tại sao chỉ phân đã ở Trung Quốc mà thôi? Mão làm đầu cờ, Hung Nô thứ hai, Tây là Hồ, Đông là Di, còn Giao Chỉ vẽ trán, tại sao lại bỏ đi? Theo đấy mà xét, thì người ta chẳng hiểu gì về sao. Há có thể lấy trí lực nhân thế tầm thường để ước thúc liệu định vũ trụ ngoại giới?

Cái mà người đời tin, chỉ là tai và mắt. Ngoài điều đó ra, đều làm cho người ta nghi ngờ. Nho giáo nói về trời chỉ có mấy nghĩa là hoặc mịn mờ, hoặc như cái lọng, vụt như cái vòm, vụt như lắng yên. Tính hết chu vi, đủ che vườn cảnh. Nếu có ai tận mắt nhìn xem, đều giống nhau không khác. Cứ ước lượng về trời như thế, há đủ dựa theo? Vì sao lại cả tin vào sự ước đoán của người phàm, đâm ra nghi ngờ diệu lý của bậc đại Thánh, để nhất quyết phủ nhận vô lượng thế giới, vô biên số kiếp? Và lại, Trâu Diễn cũng có thiên nói về Cửu Châu rằng: “Người ở trên núi không tin có cá lớn như thân cây. Người ở dưới biển không tin có cây lớn như thân cá. Hán Vũ Đế không tin có keo dán dây đàn đứt. Người nước Ngụy không tin có vải chịu được lửa. Người Hồ thấy gấm, không tin có tấm ăn dâu, nhả tơ làm thành. Người Ngô sống ở Giang Nam, không tin có chần mền đắp được trăm người. Đến khi sang Hà Bắc, không tin có chiếc thuyền chở nổi hai vạn thạch”. Đấy đều là kinh nghiệm thực tế. Cũng giống trên đời có thầy pháp và các trò ảo thuật, như có thể dẫm chân trên lửa, đi trên đầu mũi nhọn, dời giếng, trồng dưa. Chỉ trong khoảnh khắc, biến hóa muôn vàn. Sức người còn có thể làm như thế, huống gì sức thần thông cảm ứng cao siêu không thể suy nghĩ đến kịp, khiến cho tràng phan bảo tọa, chỉ rộng một trăm do tuần, hóa thành cõi Tịnh độ, mọc lên tháp Phật một cách thần kỳ. Hơn nữa, truyện Tây Quốc Hành của Vương Huyền Sách kể lại: “Vào năm Hiển Khánh thứ tư, họ Vương đi sứ sang nước Bà Lật Xà. Ông giúp người Hán bày trò ngũ nữ hý, có năm cô gái múa từ ba cây dao tăng lên đến mười cây. Rồi lại bày trò thăng kỹ, đi trên dây treo giữa không trung. Vừa đi vừa mang giày rồi cởi liệng. Tay múa ba loại đồ binh: đao, thương, thuẫn. Chen vào các loại hình kỹ xảo ấy là các trò ảo thuật cắt lưỡi, rút ruột, nhiều không kể xiết.

### **Thứ ba: PHẦN NHẬT CUNG**

Theo kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo các Tỳ-kheo: “Cung điện của vua Mặt trời, ngang dọc dài đứng sáu mươi một do tuần, trên dưới cũng như thế, do hai loại vật liệu tạo thành. Nhìn thẳng, vuông vắn như cái nhà, nhìn nghiêng, tựa như hình tròn. Hai loại vật liệu gì? Đó là vàng và pha lê. Một mặt có hai phần là vàng ròng, thanh tịnh sáng chói. Một mặt có một phần là pha lê thuần chất, thanh tịnh sáng chói. Có năm thứ gió thổi cho di chuyển. Là năm thứ gió gì? Một tên là Trì, hai tên là Trụ, ba tên là Tùy thuận chuyển, bốn tên là Ba la ha ca, năm tên là Tương hành. Phía trước cung điện mặt trời đặc biệt có vô số chư

Thiên đi đầu. Khi đi, mỗi vị thường hưởng thụ hoan lạc và đều tên là Lao hành (theo kinh Trường A-hàm nói rằng tường và đất của cung điện mặt trời mỏng manh như tinh hoa, được năm thứ gió giữ lại). Lại nữa, trong cung điện mặt trời có loại vàng thắm sắc Diêm-phù đàn kim đem làm xe quý, cao sáu mươi do tuần, vuông vức tám do tuần, được trang hoàng rất đẹp. Trong đó, vua Mặt trời và quyến thuộc hưởng thụ đầy đủ hoan lạc ngũ dục. Vua Mặt trời thọ năm trăm tuổi, con cháu kế thừa trị vì ở đấy. Cung điện tồn tại trọn vẹn một kiếp. Hào quang của thân vua Mặt trời chiếu diệu xe quý. Ánh sáng của xe quý lại chiếu diệu cung điện. Hào quang và ánh sáng cùng tụ hội, chiếu diệu khắp cả bốn châu lớn và các thế giới khác. Thân của vua Mặt trời, xe quý và cung điện có một ngàn tia hào quang và ánh sáng. Năm trăm tia phát ra chiếu diệu hai bên. Năm trăm tia phát ra chiếu diệu phía dưới. Cung điện mặt trời thường di chuyển không ngừng. Sáu tháng đi về phương Bắc. Trong ngày mồng một, dần dần rời khỏi hướng Bắc 6 câu lô xá (theo kinh Tạp Bảo Tạng nói năm dặm), nhưng không hề rời nhập quỹ. Sáu tháng đi về phương Nam, rồi cũng vào ngày mồng một, dần dần rời khỏi hướng Nam 6 câu lô xá, không hề đi sai nhập quỹ. Khi cung điện mặt trời đi trong sáu tháng ấy, cung điện của vua Mặt trăng, vào ngày rằm, cũng di chuyển như thế”.

#### ***Thứ tư:*** PHẦN NGUYỆT CUNG

Như kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo Tỳ-kheo: “Cung điện của vua Mặt trăng ngang dọc dài đứng 49 do tuần, tường rào bốn phía do bảy loại bảo vật tạo thành. Cung điện mặt trăng thuần túy bằng bạc ròng và lưu ly xanh đen lẫn. Hai phần bằng bạc ròng trong sạch không bọt, ánh sáng rất xán lạn. Phần còn lại bằng lưu ly xanh cũng rất trong sạch, xuyên thấu suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa. Cũng có năm thứ gió giúp đỡ để di chuyển (năm thứ gió như trước). Cung điện mặt trăng dựa vào hư không mà vận hành. Cũng có vô lượng cung điện của chư Thiên đi trước, thường hưởng thụ hoan lạc. Trong cung điện này, cũng có xe lớn, làm bằng lưu ly xanh, cao mười sáu do tuần, rộng tám do tuần. Trong đó, vua Mặt trăng và các Thiên nữ, dùng các loại công đức ngũ dục, cùng nhau hưởng thụ hoan lạc, tùy ý di chuyển. Vua Mặt trăng ấy thọ năm trăm tuổi, con cháu kế thừa trị vì ở đấy và cung điện này tồn tại một kiếp. Hào quang của thân vua Mặt trăng chiếu diệu xe bằng lưu ly xanh. Ánh sáng của xe ấy chiếu diệu cung điện mặt trăng. Ánh sáng của cung điện mặt trăng chiếu diệu khắp bốn châu lớn. Vua mặt

trăng ấy có năm trăm ánh hào quang chiếu diệu phía dưới, năm trăm ánh hào quang chiếu diệu hai bên. Thế nên, vua Mặt trăng tên là Nghìn hào quang, lại cũng là tên Hào quang mát lạnh”.

Lại nữa, do nhân duyên nào, cung điện mặt trăng hiện ra dần dần? Phật đáp: “Cung điện mặt trăng hiện ra dần dần là do ba nguyên nhân sau: Một là mặt sau xoay lại. Hai là do thân của chư Thiên có màu xanh đeo chuỗi anh lạc, tất cả đều xanh. Vào giữa tháng, thường che lấp cung điện của mình. Do bị che lấp, nên cung điện mặt trăng hiện ra dần dần. Ba là do từ cung điện mặt trời, có sáu mươi tia sáng đồng thời phóng ra che kín vầng trăng ấy. Do nhân duyên này, nên cung điện mặt trăng hiện ra dần dần”.

Lại do nhân duyên nào, cung điện mặt trăng này tròn trịa đầy đặn? Cũng do ba nhân duyên khiến trở nên như thế. Một là vào lúc bấy giờ, mặt trước xoay lại. Hai là do thân của chư Thiên có màu xanh, tất cả đều xanh. Vào khoảng nửa tháng, thường ẩn dấu mình. Do đó, vào ngày rằm, cung điện mặt trăng có hình dáng tròn trịa đầy đặn nhất. Ánh sáng xán lạn rực rỡ. Thí dụ như trong chỗ có nhiều dầu, lửa đuốc càng sáng rực. Các ngọn đèn nhỏ đều bị khuất lấp. Như thế, vào ngày rằm, cung điện mặt trăng thường che lấp ánh sáng của mình. Ba là, lại nữa, do sáu mươi tia sáng của cung điện mặt trăng này tròn trịa đầy đặn. Ở khắp mọi nơi đều bị che lấp. Lúc ấy, ánh sáng mặt trời không thể che lấp được nữa.

Lại do nhân duyên nào, cung điện mặt trăng, ở phần trăng tối vào ngày rằm, tất cả không hiện ra? Do cung điện mặt trăng này, ở phần trăng tối vào ngày rằm, nằm gần nhất với cung điện mặt trời. Vì bị ánh sáng mặt trời ấy che lấp, nên tất cả không hiện ra.

Lại do nhân duyên nào gọi tên là tháng? Do cung điện mặt trăng, ở phần trăng tối, từ ngày mồng một trở đi, cho đến ngày ba mươi, dần dần giảm bớt uy lực ánh sáng của mình. Vì thế, gọi khoảng thời gian này là tháng. (Ở phương Tây, một tháng chia làm trăng sáng, trăng tối. Vào đầu tháng, từ ngày mồng một đến ngày rằm, gọi là trăng sáng. Từ ngày mười sáu trở đi, đến ngày ba mươi, gọi là trăng tối. Ở đây gom chung trăng tối thành một tháng).

Lại do nhân duyên nào, trong cung điện mặt trăng có các ảnh hiện ra? Do trong châu lớn này có cây Diêm-phù. Vì có cây này, nên mới gọi là châu Diêm-phù. Cây ấy cao lớn, ảnh hiện lên trên mặt trăng. Hơn nữa, luận Du Già nói: “Do trong biển lớn có các loài cá và ba ba, ảnh của chúng hiện lên trên mặt trăng. Thế nên trong đó có các bóng tối

hiện ra”. (Theo Tây Quốc truyện nói: “Ngày xưa có con thỏ tu hạnh Bồ tát. Thiên đế thử nó, xin thịt để ăn. Nó liền nhảy vào trong lửa. Thiên đế thương tình, đem xác cháy sém của nó bỏ lên mặt trăng, khiến cho tất cả chúng sinh sau này đưa mắt lên nhìn thấy, biết đấy là nhục thân của vị Bồ tát thực hành hạnh nguyện từ bi”).

### **Thứ năm: PHẦN HÀN THỦ**

Theo kinh Khởi Thế nói: “Lại do nhân duyên nào, mùa hạ sinh nóng nực? Phật bảo: “Cung điện mặt trời, vào khoảng tháng sáu, di chuyển về hướng Bắc. Lúc ấy, một ngày thường đi được sáu câu lô xá, không hề rời khỏi nhật quỹ. Tuy nhiên, trong đó có mười nhân duyên (sao không thấy có ghi mười nhân duyên nào): Tất cả ánh sáng của mặt trời chiếu rọi vào mười ngọn núi ở đấy, khiến cho mùa hè sinh ra nóng nực”. Lại do nhân duyên nào có các cơn lạnh rét? Cung điện mặt trời, sau tháng sáu, dần dần đi về hướng Nam.

Lại có mười hai nhân duyên thường sinh ra lạnh rét: Ở giữa hai ngọn núi Tu-di và núi Khư Đề La Ca, có biển Tu-di rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, chu vi lớn vô lượng. Trong đó, mọc đầy các loại hoa có mùi hương rất thơm. Ánh sáng mặt trời chiếu rọi xuống biển ấy. Đó là nhân duyên thứ nhất sinh ra lạnh rét. Thứ hai là có núi Y Sa Đà La. Thứ ba là do núi Du Càn Đà. Thứ tư là do núi Thiện Hiện. Thứ năm là do núi Mã Phiến Đầu. Thứ sáu là do núi Ni Dân Đà La. Thứ bảy là do núi Tỳ Na Da Ca. Thứ tám là do núi lớn Luân Vi. Thứ chín là do trong châu Diêm-phù có các dòng sông chảy qua các chỗ bị mặt trời chiếu rọi xuống, nên sinh ra lạnh rét. Thứ mười là do các sông của châu Cù-da-ni nhiều quá. Thứ mười một là do các sông của châu Uất-đơn-việt nhiều quá. Dòng chảy của các sông ở nhân duyên thứ mười hai này được ánh sáng mặt trời chiếu rọi xuống, nên sinh ra lạnh rét”. (Trong mười nhân duyên sinh ra nóng nực trên đây, ngoại trừ tám nhân duyên do núi sinh ra, nhân duyên thứ chín là do cung điện Dạ-xoa ở trong không trung, cách mặt đất một vạn do tuần. Nhân duyên thứ mười là do núi của bốn châu lớn. Gộp lại đủ mười nhân duyên vậy).

Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm có câu hỏi rằng: “Vì sao mùa Đông lại lạnh? Vì sao mùa Xuân nóng? Vì sao mùa Hạ có lúc lạnh lúc nóng? Về mùa Đông, nước dâng lớn nhất, chưa rút bớt xuống. Thảo mộc do thấm nước, chưa khô héo đi. Đại đất lầy lội, đại hỏa lắng xuống. Đại thủy dâng lên. Tại sao biết được như thế? Vì nước sâu thì rất ấm, nước cạn thì lạnh. Tiết lạnh đã đến. Mặt trời đi trên nhật quỹ, chiếu rọi

nung đốt không lâu. Dương khí ẩn vào trong. Ăn hết thì về nhanh. Do nhân duyên này, mùa Đông lạnh. Vì sao mùa Xuân nóng? Vì lúc bấy giờ, nước lớn đã giảm xuống hết, thảo mộc khô héo, đất khô khan, nứt nẻ. Thủy khí lắng xuống, hỏa khí bốc lên. Tại sao biết được như thế? Vì nước sâu thì lạnh, nước cạn thì nóng. Mùa Đông đã qua, mặt trời đi trong quỹ đạo, chiếu rọi nung đốt được lâu. Trong thân hỏa yếu, nên mùa Xuân nóng. Vì sao mùa Hạ có lúc lạnh lúc nóng? Vì trong tháng tám, mặt đất luôn luôn chịu chiếu rọi nung đốt, chỗ nào mây lớn đổ mưa tưới xuống thì hơi đất xông lên. Nếu khi có gió nổi dậy, thổi tiêu tan hơi đất xông lên, lúc ấy sẽ lạnh. Nếu không có gió nổi lên. Lúc ấy sẽ nóng. Vì thế, trong mùa Hạ, có lúc lạnh lúc nóng”. (Phương Tây cho bốn tháng là một mùa, song chỉ có Lập xuân, Lập hạ, Lập đông, không có Lập thu. Nên Lập là ổn định ba mùa vậy).

Lại nữa, kinh Lập Thế nói: “Do nhân duyên nào có nước các sông chảy trên thế gian? Phật bảo Tỳ-kheo: “Vì có mặt trời nên có sức nóng. Có sức nóng nên có nung đốt. Có nung đốt nên có hơi bốc lên. Có hơi bốc lên nên có mồ hôi ướt át. Vì có mồ hôi ướt át nên trong hết thủy núi non, mồ hôi đổ thành dòng sông tạo ra các sông ngòi”.

#### **Thứ sáu: PHẦN CHIẾU DỤNG**

Theo kinh Trường A-hàm nói: “Khi kiếp mới thành, trời đất đại tối tăm. Có trận gió đen to lớn thổi tách đôi nước biển, nâng lấy mặt trời, đặt lên nửa chừng núi Tu-di, an trí vào trong nhật quỹ, để chạy vòng soi sáng bốn quốc độ và các chúng sinh”. Lại nữa, kinh Khởi Thế nói: “Bấy giờ, thế gian trở nên tối tăm, bỗng nhiên xuất hiện mặt trời mặt trăng và các tinh tú. Nhờ đó, mới có ngày đêm, năm tháng, thời tiết. Bấy giờ, mặt trời ngụ trên cung điện lớn, từ phương Đông mọc lên, đi vòng quanh núi Tu-di và nghiêng về phương Tây. Lặn xong, lại từ phương Đông mọc lên. Bấy giờ chúng sinh lại thấy mặt trời từ phương Đông mọc lên, cùng bảo nhau: “Hỡi các bậc hiền, cung điện mặt trời xán lạn lại từ phương Đông mọc lên, đi vòng quanh núi Tu-di và nghiêng về phương Tây và sẽ lặn xuống phương Tây!”. Các chúng sinh khác xem xong, cũng bảo nhau: “Thế là có mặt trời xán lạn lưu chuyển ở thế gian này!”. Bởi vậy, mới có danh từ “mặt trời xuất hiện”. Lại nữa, luận Trí Độ nói: “Mặt trời mặt trăng vốn to lớn vuông vức năm trăm do tuần, thế mà nay chỉ thấy lớn bằng cái quạt!”. Kinh Xứ Xứ nói rằng Phật bảo A Nan: “Biết được cái mà nhục nhãn thấy ở gần, thì sẽ biết được cái mà nhục nhãn thấy ở xa bốn mươi hai vạn do tuần”. Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói:

“Thế nào là đêm? Thế nào là ngày? Do có mặt trời nên có đêm, do có mặt trời nên có ngày. Chúng sinh ở dục giới, tự tính tối tăm, nhân ánh sáng mặt trời ẩn khuất, nên gọi là đêm. Nhân ánh sáng mặt trời hiện ra, nên gọi là ngày”.

Lại nữa, kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nếu mặt trời ở châu Diêm-phù đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Phất-bà-đề đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Cù-da-ni đang bắt đầu mọc, còn ở châu Uất-đơn-việt lại đang vào lúc nửa đêm. Nếu mặt trời ở châu Cù-da-ni đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Diêm-phù-này đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Uất-đơn-việt đang bắt đầu mọc, còn ở châu Phất-bà-đề lại đang vào lúc nửa đêm. Nếu mặt trời ở châu Uất-đơn-việt đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Cù-da-ni đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Phất-bà-đề đang bắt đầu mọc, còn trong châu Diêm-phù lại đang vào lúc nửa đêm. Nếu mặt trời ở châu Phất-bà-đề đang vào lúc giữa trưa, thì mặt trời ở châu Uất-đơn-việt đang bắt đầu lặn. Mặt trời ở châu Diêm-phù đang bắt đầu mọc, còn ở châu Cù-da-ni lại đang vào lúc nửa đêm”.

Phật bảo Tỳ-kheo: “Nếu chỗ người Diêm-phù-đề gọi là phương Tây, thì người Cù-da-ni lại gọi là phương Đông. Chỗ người Cù-da-ni gọi là phương Tây, thì người Uất-đơn-việt lại gọi là phương Đông. Chỗ người Uất-đơn-việt gọi là phương Tây, thì người Phất-bà-đề lại gọi là phương Đông. Chỗ người Phất-bà-đề gọi là phương Tây, thì người châu Diêm-phù-đề lại gọi là phương Đông. Hai phương Nam Bắc đều gọi theo như thế cả”.

#### ***Thứ bảy:*** PHÂN KHUY DOANH

Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Sao là nửa tối? Sao là nửa sáng? Do mặt trời mà có nửa tối, do có mặt trời mà có nửa sáng. Mặt trời luôn luôn đi theo mặt trăng. Ngày ngày cùng gần nhau bốn vạn tám ngàn tám mươi do tuần. Ngày ngày cùng xa nhau như thế. Nếu khi cùng gần nhau, ngày ngày, trăng tròn bị che khuất ba do tuần và một phần ba. Vì nhân duyên này, vào ngày rằm, mặt trăng bị che khuất hết. Như thế gọi là nửa tối hoàn toàn. Ngày ngày xa mặt trăng cũng bốn vạn tám ngàn tám mươi do tuần. Mặt trăng ngày ngày ló ra ba do tuần và một phần ba. Vì nhân duyên này, vào ngày rằm, mặt trăng ló ra hoàn toàn. Thế gian gọi là nửa sáng hoàn toàn. Nếu mặt trời mặt trăng đi hết sức xa nhau, bấy giờ trăng tròn. Thế gian gọi là nửa sáng hoàn toàn. Nếu mặt trời mặt trăng ở cùng một chỗ, như thế gọi là cùng đi. Thế gian gọi

là tối hoàn toàn. Nếu mặt trời đi theo sau mặt trăng, ánh sáng mặt trời chiếu lên ánh sáng mặt trăng. Vì ánh sáng mặt trăng thô thiển, nên khi bị chiếu, sẽ sinh ra ảnh. Ảnh này là tự che khuất mặt trăng, nên nhìn vào phần sau của mặt trăng không tròn. Do nhân duyên này, mặt trời dần dần che khuất. Vào ngày rằm, che khuất hết mặt trăng. Khi đi theo sau như thế, gọi là nửa tối. Nếu mặt trời đi trước mặt trăng, mặt trăng ngày ló ra, thì cũng như thế. Vào ngày rằm, mặt trăng ló ra hoàn toàn đầy đủ. Khi đi trước như thế, gọi là nửa sáng.

Hơn nữa, kinh Khởi Thế có câu hỏi rằng: “Lại do nhân duyên nào, vào mùa Đông, đêm dài ngày ngắn? Phật bảo các Tỳ-kheo: “Cung điện mặt trời, qua khỏi tháng sáu, dần dần đi về phương Nam. Mỗi ngày đi được 6 câu lô xá, không hề sai chạy. Vào lúc này, cung điện mặt trời ở phía cực Nam của châu Diêm-phù, có địa hình nhỏ hẹp, mặt trời vượt qua nhanh chóng. Do nhân duyên này, vào mùa Đông, ngày ngắn đêm dài”. Lại do nhân duyên nào, vào mùa Xuân, Hạ, ngày dài, đêm ngắn? Phật đáp: “Cung điện mặt trời, qua khỏi tháng sáu, dần dần đi về phương Bắc. Mỗi ngày đi được 6 câu lô xá, không hề sai chạy, khác với nhật quỹ hàng ngày. Vào lúc này, đang đi qua giữa châu Diêm-phù, địa hình rộng rãi, vượt qua chậm lâu, làm cho ngày dài. Do nhân duyên này, vào mùa Xuân, Hạ, ngày dài, đêm ngắn”.

Luận Trí Độ bảo rằng điều nói trong phẩm A Tỳ Bạt Trí về ngày, tháng, năm là: “Ngày gọi là từng đán, chí đán, sơ phần, trung phần, hậu phần. Đêm cũng có ba phần. Một ngày một đêm có ba mươi thì. Vào lúc Xuân phân, Thu phân, có mười lăm thì thuộc ngày, mười lăm thì thuộc đêm. Các lúc khác, có sự tăng giảm. Như vào tháng năm, ngày Hạ chí có mười tám thì, đêm còn mười hai thì. Vào tháng mười một, đêm Đông chí có mười tám thì, ngày còn mười hai thì. Một tháng hoặc có ba mươi ngày rưỡi, hoặc ba mươi ngày, hoặc hai mươi chín ngày rưỡi, hoặc hai mươi bảy ngày rưỡi. Có bốn loại tháng: một là tháng mặt trời, hai là tháng thế gian, ba là tháng mặt trăng, bốn là tháng tinh tú. Tháng mặt trời thì ba mươi ngày rưỡi, tháng thế gian thì ba mươi ngày, tháng mặt trăng thì hai mươi chín ngày thêm ba mươi phần sáu mươi hai, tháng tinh tú thì hai mươi bảy ngày thêm hai mươi một phần sáu mươi. Tháng nhuận thì từ tháng mặt trời, tháng thế gian mà ra, gọi là tháng mười ba. Hoặc mười ba tháng gọi là một năm. Năm ấy có ba trăm sáu mươi sáu ngày giáp vòng rồi lại bắt đầu. Các Bồ tát biết rõ vào lúc giữa trưa, thì buổi sáng đã trôi qua, buổi chiều chưa đến. Giữa trưa không dừng lại chỗ nào. Không thể nắm bắt thật tướng của ngày. Ngày hư huyền không



có gì cả. Đến ngày ba mươi thì hai mươi chín ngày kia đã mất. Làm thế nào hòa hợp để thành ngày tháng? Không có cách nào cả. Làm sao hòa hợp để thành năm? Phật bảo là làm thế này: “Các pháp thế gian đều như huyễn mộng. Chỉ là các pháp lừa dối chân tâm. Các Bồ tát có khả năng biết được ngày tháng năm của thế gian hòa hợp, biết được ngày tháng năm ly tán, hủy diệt chẳng có gì thật cả. Đấy gọi là giỏi phân biệt”. (Theo kinh, người ta có nhiều ngày tháng bạc phước, có tai họa. Hoặc có ngày đỏ, đủ các điềm xấu, như kinh có nói đầy đủ).

**Thứ tám: PHẦN THĂNG VÂN**

Theo kinh Khởi Thế nói: “Trong thế gian có bốn loại mây: một là trắng, hai là đen, ba là đỏ, bốn là vàng. Trong bốn loại mây này, như mây màu trắng thì có nhiều đất, như mây màu đen thì có nhiều nước, như mây màu đỏ thì có nhiều lửa, như mây màu vàng thì có nhiều gió. Có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không từ một câu lô xá đến hai hoặc ba, thậm chí đến bảy câu lô xá mới ngừng lại. Hoặc có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không, từ một do tuần cho đến bảy do tuần mới ngừng lại. Hoặc lại có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không, từ một trăm do tuần cho đến bảy trăm do tuần mới ngừng lại. Hoặc lại có loại mây từ dưới đất bay lên trong hư không, từ một ngàn do tuần cho đến bảy ngàn do tuần mới ngừng lại ở đấy đến khi hết kiếp”. Kinh Trường A-hàm nói: “Khi kiếp mới bắt đầu, có loại mây bay lên đến Trời Quang Âm”. (Theo kinh, mây cũng có nhiều loại: hoặc có mây khánh vân ngũ sắc hiện ra, hoặc có đủ loại mây đỏ, mây đen hiện ra, không thể kể hết, như kinh Nhân Vương có nói đầy đủ).

**Thứ chín: PHẦN CHẤN LÔI**

Theo kinh Khởi Thế nói rằng, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hoặc có kẻ ngoài đạo đến hỏi các ông rằng: “Do nhân duyên nào, trong hư không có tiếng rền như thế?” Các ông nên trả lời rằng: “Do ba nhân duyên cùng va chạm nhau, nên trong đám mây giữa không trung mới có tiếng rền vang lên”. Là ba nhân duyên nào? Một là do gió và đất chứa trong mây cùng va chạm vào nhau, nên liền có tiếng rền vang lên. Hai là do gió và nước trong mây cùng va chạm vào nhau, nên liền có tiếng rền vang lên. Ba là do gió và lửa trong mây cùng va chạm vào nhau, nên liền có tiếng rền vang lên. Tại sao như thế? Thí dụ như các cành cây cùng cọ xát vào nhau, lập tức có lửa xẹt lên. Hiện tượng sấm rền này cũng giống như thế”. (Theo kinh, sấm cũng có nhiều loại, như có loại sấm lôi

xa cổ, do quỷ thần tay gõ dùi, tay đánh ra sấm. Vì thế, người ta gọi là trống Trời. Trong đó, cũng có người nhiều tội lỗi bị sét đánh chết. Xem ở quyển Thọ báo).

**Thứ mười: PHẦN KÍCH ĐIỆN**

Theo kinh Khởi Thế nói rằng, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hoặc có kẻ ngoại đạo đến hỏi các ông rằng: “Do nhân duyên nào, trong hư không sinh ra tia chớp?”. Các ông nên đáp rằng: “Do hai nhân duyên nên trong mây sinh ra tia chớp. Là hai nhân duyên nào? Một là phương Đông có điện tên là Không dày. Phương Nam có điện tên là Thuận dòng. Phương Tây có điện tên là Ánh sáng rơi. Phương Bắc có điện tên là Cây trăm đời. Hai là, hoặc có một lúc, điện Không dày do phương Đông sinh ra và điện Ánh sáng rơi của phương Tây ấy cùng chạm nhau, cùng đối nhau, cùng cọ nhau, cùng đánh nhau. Do nguyên nhân này, từ giữa đám mây trong hư không ấy sinh ra ánh sáng lớn gọi là Tia chớp. Hoặc có lúc, điện Thuận dòng của phương Nam và điện Cây trăm đời của phương Bắc ấy cùng chạm nhau, cùng đối nhau, cùng cọ nhau, cùng đánh nhau. Do nguyên nhân này, từ giữa đám mây trong hư không ấy sinh ra ánh sáng lớn gọi là Tia chớp. Thí dụ như gió thổi hai cây cùng chạm vào nhau, bỗng nhiên tia lửa xẹt lên, rồi lại rút vào cây”. (Theo kinh, hoặc trước tiên có sấm, không có chớp. Hoặc có chớp rồi sau mới có sấm, cùng chạm nhau sét đánh người và vật).

**Thứ mười một: PHẦN GIÁNG VŨ**

Theo luận Phân Biệt Công Đức nói: “Mưa có ba loại: một là trời mưa, hai là rồng mưa, ba là A-tu-la mưa. Trời mưa có sương mù mỏng. Rồng mưa có hạt rất lớn. Khi rồng vui thì mưa ôn hòa, nhuần nhã. Khi rồng giận thì mưa lớn, sấm sét đùng đùng. A-tu-la cùng Đế-thích tranh tài, cũng thường làm mưa, có hạt lớn nhỏ không nhất định”. (Theo kinh, cũng có nhiều loại mưa, hoặc không có mây mà vẫn đổ mưa, hoặc có mây trước rồi mới đổ mưa, hoặc nhờ có rồng mà mưa, hoặc không nhờ rồng mà vẫn mưa. Thật ra, do nghiệp lực của chúng sinh mà ra cả, như kinh đã nói đầy đủ).

**Thứ mười hai: PHẦN THẮT HẬU**

Như kinh Khởi Thế nói rằng Phật bảo các Tỳ-kheo: “Có năm nhân duyên có thể ngăn cản mưa, khiến nhà chiêm tinh không lường được, tăng thêm lầm lẫn, ghi nhận chắc chắn trời mưa. Là năm nhân duyên nào? Một là ở trong hư không, mây nổi sấm rền, phát ra các tiếng

già trà già trà, cù trừ cù trừ, hoặc lóe lên tia chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến. Các hiện tượng này đều là điềm mưa. Các nhà chiêm tinh và các nhà hiền văn đều đoán chắc lúc ấy tất nhiên sẽ đổ mưa. Bấy giờ, La hầu và chúa A-tu-la, từ trong cung điện của mình bước ra, rồi đưa hai tay nắm lấy đám mây sinh mưa, ném vào trong biển. Đó là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa rơi mà nhà chiêm tinh không hề biết rằng cuối cùng sẽ không đổ mưa. Hai là có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng có các tiếng già trà, cũng có tia chớp lóe lên, lại có gió thổi khí lạnh đến. Bấy giờ, nhà chiêm tinh xem thấy, đoán chắc tất nhiên sẽ đổ mưa. Bấy giờ, lửa tăng thêm sức mạnh, lập tức thiêu đốt đám mây sinh mưa. Đó gọi là nhân duyên thứ hai ngăn cản mưa rơi mà nhà chiêm tinh không hề biết rằng cuối cùng sẽ không đổ mưa. Ba là có lúc, trong hư không nổi mây, trong mây cũng có các tiếng già tra, cũng có tia chớp lóe lên, cũng có gió thổi khí lạnh đến. Lúc ấy, nhà chiêm tinh xem thấy, ghi nhận tất nhiên sẽ đổ mưa. Vì lửa tăng thêm sức mạnh, thổi đám mây sinh mưa, liệng vào đồng cát Ca lãng già, hoặc vào trong đồng nội, hoặc vào trong sa mạc Ma liên na. Đó gọi là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa rơi mà nhà chiêm tinh không hề biết rằng cuối cùng sẽ không đổ mưa. Bốn là có các chúng sinh, vì tính phóng đãng, làm ô uế hạnh thanh tịnh, nên trời không đổ mưa xuống đúng mùa. Năm là do người Diêm-phù có kẻ không theo đúng như chánh pháp, dè sẻn, tham lam, ganh ghét, tà kiến, điên đảo, nên trời không làm mưa. (Diễn biến ở hai nhân duyên bốn và năm này cũng giống như trước. Kinh Trường A-hàm cũng nói tương tự). Do năm nhân duyên này, các nhà chiêm tinh lầm lẫn, đoán mưa không đúng”.

Kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: “Mặt trời mặt trăng có bốn lớp che đậy, khiến cho không phát ra ánh sáng. Là bốn lớp gì? Một là mây, hai là gió bụi, ba là khói, bốn là A-tu-la, thường che đậy mặt trời mặt trăng, khiến cho không phát ra ánh sáng. Tỳ-kheo cũng có bốn thứ trói buộc che đậy nhân tâm, không cởi mở ra được. Một là dâm dục, hai là sân hận, ba là ngu si, bốn là lợi lộc, che đậy nhân tâm, không cởi mở ra được”. Luật Tứ Phần cũng có bốn loại thí dụ như trên: một là dâm dục, hai là uống rượu, ba là đòi tiền của, bốn là tà mệnh. Có bốn loại này cũng khiến cho Phật pháp không được hiển minh. Bởi thế, có lời tụng rằng:

*“Hỏi lửa bốc khói mờ,  
Hơi mây che lấp mây.  
Rồng thiên phun mù ướt,  
Tung bụi khắp thế gian.*

*Rượu là cửa phóng dăng,  
 Dâm là nguồn tử sinh.  
 Bạc vàng là họa lớn,  
 Tà mệnh hại giới căn”.*

**Thứ mười ba: PHẦN ĐỊA ĐỘNG**

Theo kinh Phật Bát Nê Hoàn nói: “A Nan chấp tay hỏi Phật rằng: Con muốn biết có mấy chuyện sinh động đất? Phật bảo: có ba nhân duyên. Một là do đất tựa trên nước, nước tựa trên gió, gió tựa trên hư không. Khi gió lớn nổi lên thì nước chao đảo. Nước chao đảo sinh ra động đất. Hai là do các Sa-môn đắc đạo và chư Thiên thần diệu muốn thị hiện cảm ứng nên sinh ra động đất. Ba là do Phật lực, từ trước đến sau khi ta thành đạo, đã chấn động ba ngàn mặt trời mặt trăng, một vạn hai ngàn thế giới, không rơi nào không cảm ứng. Nhiều chư Thiên và quý thần đều nghe biết”.

Lại nữa, bộ kinh lớn của Đại thừa là Niệm Phật Tam Muội nói: “Tất cả thế gian có sáu loại chấn động: một là loại biến động của Động biến động, hai là loại biến chấn của Chấn biến chấn. Ba là loại biến dưng của Dưng biến dưng. Bốn là loại biến hống của Hống biến hống. Năm là loại biến khởi của Khởi biến khởi. Sáu là loại biến giác của Giác biến giác. Trong sáu loại này, mỗi loại lại có ba loại, hợp thành mười tám hình thức chấn động. Như thế, hễ phương Đông vọt lên thì phương Tây lặn xuống. Phương Tây vọt lên thì phương Đông lặn xuống. Phương Nam vọt lên thì phương Bắc lặn xuống. Phương Bắc vọt lên thì phương Nam lặn xuống. Ở giữa vọt lên thì hai bên lặn xuống. Hai bên vọt lên thì ở giữa lặn xuống”.

Lại nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Phật bảo Phú Lô Na rằng: Lại có chư Thiên chứng được đại đồng thân thông uy đức, nếu muốn gây chấn động thế gian, lập tức làm cho thế gian chấn động. Nếu có các Tỳ-kheo có đại thân thông, đại uy đức, quán đất, khiến lớn thành nhỏ, nhỏ thành lớn. Nếu muốn gây ra động đất thì cũng có chấn động. Gây ra động đất, còn có loại gió tên là Tỳ Lam Bà. Gió này thổi hoài, khiến đất chấn động không ngừng, sức gió bốc lên cao. Có loại gió thổi phía dưới thấp, cũng gây nên chấn động hai bên. Loại gió này bình thường, thổi xoay tròn để giữ đất lại”. Lại nữa, luận Trí Độ nói: “Động đất có bốn nhân duyên: một là do lửa, hai là do rỗng, ba là do chim Kim sí, bốn là hai mươi tám vì tinh tú”. Lại nữa, các La Hán và chư Thiên cũng có thể gây ra động đất. Lại nữa, kinh Tăng-nhất- A-hàm nói: “Tại thành

Xá Vệ, Phật bảo các Tỳ-kheo rằng có tám nhân duyên sinh ra động đất lớn: mặt đất này sáu sáu mươi tám ngàn do tuần, được nước giữ lại, nước tựa vào hư không. Nếu lúc này hư không có gió động thì nước cũng động. Nước động thì đất liền động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ nhất. Nếu có Tỳ-kheo chứng được thần thông biến hiện tự tại, quán đất như lòng bàn tay, cũng có thể khiến động đất lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ hai. Lại nữa, nếu có chư Thiên chứng được thần thông biến hiện tự tại và đại uy đức, cũng có thể khiến đất rộng lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ ba. Nếu có Bồ tát ở Trời Đâu suất muốn giáng trần hạ sinh, lúc bấy giờ sẽ có động đất. Đó là nhân duyên động đất thứ tư. Lại nữa, nếu Bồ tát ấy biết mình đang ở trong bào thai của mẹ, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ năm. Nếu Bồ tát ấy biết đã đủ mười tháng, phải ra khỏi bào thai của mẹ, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ sáu. Nếu Bồ tát ấy xuất gia, ngự giữa Đạo tràng, hàng phục ma chướng, cuối cùng thành đạo, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ bảy. Nếu trong tương lai, từ địa vị Vô dư Niết bàn mà nhập Niết bàn, đất sẽ động lớn. Đó là nhân duyên động đất thứ tám”. (Theo kinh, động đất cũng có nhiều loại: động đất do có Thánh nhân ra đời, động đất do hàng Tứ Thánh xuất thế, hoặc do chư Phật, Bồ tát xuất thế, hoặc động một thế giới, hoặc nhiều thế giới. Cũng có chúng sinh bạc phước, bị động đất gây ra hao tài tổn mạng, tùy theo y báo, chánh báo của mình, như kinh có nói đây đủ).

Thuật rằng: “Từ đây trở xuống, tóm lược đại khái các sách thế gian nói về tình hình biến hóa của âm dương và trời đất thưở mới phân chia, cho rằng có năm tầng: một là Nguyên khí, hai là Thái dịch, ba là Thái sơ, bốn là Thái thủy, năm là Thái tố. Thứ nhất là Nguyên khí. Theo Hà Đồ nói: “Nguyên khí vô hình, rền rĩ tối tăm. Phần giữa lên là đất, phần úp xuống làm trời”. Lễ Thống nói: “Trời đất do nguyên khí sinh ra, là tổ tông của vạn vật”. An Đế Vương Thế Kỷ của Hoàng Phủ Sĩ nói: “Khi nguyên khí mới manh nha gọi là Thái sơ”. Tam Ngũ Lịch Kỷ nói: “Khi chưa có trời đất, hãy còn hỗn độn như quả trứng gà. Rồi khí mờ mịt sinh ra, khí bao la phân bố đầy đầy. Năm dựng lên thời tiết và nguyên khí hình thành”. Đế Hệ Phổ nói: “Khi trời đất mới tạo thành, hãy còn mờ mịt bao la. Trong đó sinh ra Thiên hoàng cai trị một vạn tám ngàn năm lấy đức của hành Mộc làm vua”. Sách Liệt Nữ nói: “Xét rằng hữu hình sinh ra từ vô hình. Vậy trời đất sinh ra từ đâu? (Trương Kiên chú thích rằng trời đất không sinh ra từ đâu cả, mà tự sinh ra). Thế nên có Thái dịch, có Thái cơ, có Thái thủy, có Thái tố biến hóa thành

Một. Một biến hóa thành Bẩy. Bẩy biến hóa thành Chín. Chín là cứu cánh của biến hóa. Rồi lại biến hóa thành Một. Một là khởi thủy của hình biến. Phần trong trẻo nhẹ nhàng nổi lên làm trời. Phần cặn đục nặng nề chìm xuống làm đất. Khí chan hòa làm người. Thế nên, trời đất chứa tinh, vạn vật hóa sinh”. Vì vậy, Hệ từ thượng trong kinh Dịch nói: “Dịch có Thái cực. Thái cực sinh ra Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh ra Tứ tượng. Tứ tượng sinh ra Bát quái. Bát quái minh định cát hung vậy”. Cảm Tinh Phù trong Xuân Thu nói: “Nhân chủ với mặt trời mặt trăng cùng sáng, với bốn mùa cùng đúng. Nên lấy trời làm cha, đất làm mẹ, mặt trời làm anh, mặt trăng làm chị”. (Tôn trời làm cha ở lễ tế đài tròn. Tôn đất làm mẹ ở tế đầm vuông. Tôn mặt trời làm anh ở tế Đông giao. Tôn mặt trăng làm chị ở tế Tây giao). Thuyết Đề Từ trong Xuân Thu nói: “Nói trời là đầy vậy. Trời ở trên cao để coi sóc dưới thấp, vì người mà liệu lý các Dương tinh. Chất chứa lại thì làm Một tuyệt đối, phân tán ra thì có các tên khác nhau. Thế nên đặt chữ Nhất và chữ Đại thành chữ Thiên vậy”.

Xuân Thu Phần Lộ nói: “Trời có mười mối: Trời là một mối, đất là một mối, dương là một mối, âm là một mối, thổ là một mối, kim là một mối, mộc là một mối, thủy là một mối, hỏa là một mối, cả thủy là mười mối. Trời cũng có khí mừng giận, có lòng vui buồn, với người là hai, cùng hợp với người. Trời và người là một. Mùa Xuân thì hơi nở nên khí sinh sôi. Mùa Thu thì giận dữ nên khí tàn sát. Mùa Hạ thì vui tươi nên khí nuôi dưỡng. Mùa Đông thì buồn bã nên khí ẩn tàng. Bốn khí ấy, trời và người đều có”. Nhĩ Nhã nói: Vòm xanh xanh là trời đấy! (Lý Tuần nói: “Ngày xưa, mỗi khi người ta thể thốt, ngửa lên nhìn trời, vòm cong mà cao, màu xanh xanh, nên bảo là vòm xanh). Mùa Xuân là Thương thiên (Trương Tuần nói: Vào mùa Xuân, vạn vật bắt đầu sinh sôi, có màu xanh xanh, nên gọi là trời xanh). Mùa Hạ là Hạ thiên (Lý Tuần nói: Vào mùa Hạ, vạn vật lớn nhanh, khí sắc tràn trề, nên gọi là trời cả). Mùa Thu là Mân thiên (Lý Tuần nói: Vào mùa Thu, vạn vật già chín, có màu sắc đẹp đẽ, nên gọi là Mân thiên. Mân là văn vẻ của trời. Quách Cảnh Thuần nói: Mân cũng như mẫn, nghĩa là thương xót vạn vật tàn tạ vậy). Mùa Đông là Thượng thiên (Lý Tuần nói: Vào mùa Đông, âm khí ở trên, vạn vật ẩn tàng, nên gọi là trời cao). Quảng Nhã nói: “Trời tròn rộng, chiều Nam Bắc là hai ức ba vạn ba ngàn năm trăm dặm bảy mươi lăm bộ. Chiều Đông Tây ngắn hơn bốn bộ. Chu vi sáu ức mười vạn bảy trăm dặm hai mươi lăm bộ. Từ mặt đất lên đến trời 1 ức một vạn sáu ngàn bảy trăm tám mươi một dặm rưỡi. Bề dày dưới mặt

đất cũng bằng khoảng trời cao”. Trong Hiếu Kinh, phần Châu Thiên Thất Hành Lục Gian nói: “Giáp vòng trời có bảy hành và sáu khoảng trung gian. Mỗi khoảng cùng cách nhau một vạn chín ngàn tám trăm ba mươi ba dặm một phần ba, gộp lại thành 1 một vạn chín ngàn dặm. Từ hành trong đến hành giữa, từ hành giữa đến hành ngoài, mỗi hành cách nhau năm vạn chín ngàn năm trăm dặm”.

Châu Diệu Độ trong Lạc Thư nói: “Giáp vòng trời có ba mươi sáu năm độ một phần tư. Một độ có một ngàn chín trăm ba mươi hai dặm. Vậy trời đất cách nhau một bảy vạn tám ngàn năm trăm dặm”. Luận Hành nói: “Mặt trời đi một ngày được một độ. Một độ có hai ngàn dặm. Vậy ban ngày, mặt trời đi được một ngàn dặm. Nhanh chậm cũng bằng bước chân kỳ lân”. Bạch Hổ Thông nói: “Mặt trời đi chậm, mặt trăng đi nhanh. Mặt trời đi một độ thì mặt trăng đi mười ba độ bảy phần mười chín. Mặt trời mặt trăng lớn ngàn dặm. Hơn nữa, tính nhật quỹ của mặt trời còn có trong ngoài. Từ cực Bắc đến cực Nam cách nhau chín trăm chín mươi do tuần. Trái qua một tám mươi ngày, mặt trời đi từ trong đến ngoài. Lại trái qua một tám mươi ngày, mặt trời đi từ ngoài vào trong. Thế nên mới gọi là đi. Nói mặt trời đi được sáu mươi dặm vì vầng mặt trời lớn. Mặt trời chờ bầu trời mà đi. Vì mặt trời đi chậm, chỉ sáu mươi dặm, nên một năm có mười hai tháng. Sáu tháng đi về phương Bắc. Sáu tháng đi về phương Nam. Tổng cộng nhật quỹ của mặt trời có ba sáu mươi độ”. Bạch Hổ Thông còn nói: “Mặt trăng sở dĩ có khi tròn khi khuyết, do về quy công cho mặt trời. Ngày mồng ba thành tối, ngày mồng tám thành sáng. Hai lần tám, ngày mười sáu, chuyển về quy công. Đêm ba mươi đến sáng mồng một, nhận tín hiệu để đi lại. Mặt trăng có lúc lớn nhỏ, xoay về phía Đông của bầu trời. Mặt trời xoay về phía Tây của bầu trời. Mặt trời đi chậm, mặt trăng đi nhanh, khi kịp mặt trời là một tháng. Đến ngày hai mươi chín, chưa đủ bảy độ, phải qua ngày ba mươi mới hơn bảy độ. Mặt trời không thể phân chia ra, nên có lúc ánh sáng bỗng nhỏ lại. Có âm dương nên có nhuận. Mặt trăng đi giáp vòng bầu trời ba trăm sáu mươi lăm độ một phần bốn trong hai tháng. Mặt trời đi không giáp mười hai độ. Thế nên ba năm có một lần nhuận. Năm năm lại nhuận một lần nữa. Rõ ràng là âm thiếu, dương thừa. Nhuận là dương thừa vậy”.

Từ Chính Trường Lịch cho rằng mặt trời mặt trăng đường kính ngàn dặm, chu vi ba ngàn dặm, ở dưới bầu trời bảy ngàn dặm. Thượng thư cho rằng ánh sáng mặt trời chiếu diệu suốt ba vạn sáu ngàn dặm. Địa thuyết thư cho rằng mặt trời mặt trăng chiếu sáng đến bốn mươi

lăm vạn dặm.

Sách Liệt Tử nói: “Khổng tử đi chơi ở phương Đông, gặp hai đứa bé cãi lý, bèn hỏi nguyên nhân. Một đứa nói: “Tôi cho rằng khi mới mọc, mặt trời gần người, lúc giữa trưa thì lại xa người. Một đứa cho rằng lúc mới mọc mặt trời xa người, vào giữa trưa thì lại gần người. Một đứa nói là khi mặt trời mới mọc thì lớn như cái lọng che xe, đến giữa trưa, chỉ còn bằng cái lông bàn. Đấy phải vì xa thì nhỏ mà gần thì lớn sao?”. Một đứa nói: “Mặt trời mới mọc, lành lạnh, mát mát, đến giữa trưa, như chạm phải nước sôi, đấy chẳng phải vì gần thì nóng mà xa thì mát sao?”. Khổng Tử không thể giải quyết được. Hai đứa trẻ cười mà bảo rằng: “Ai nói Ngài là bậc đa trí!”.

Hoàn Đàm Tân luận nói: “Thửở nhỏ, tôi nghe làng xóm nói rằng Khổng Tử đi chơi phương Đông, gặp hai đứa trẻ cãi lý, bèn hỏi nguyên nhân. Một đứa nói: “Tôi cho rằng mặt trời mới mọc thì gần, giữa trưa thì xa. Một đứa kia cho rằng khi mặt trời mới mọc thì xa, giữa trưa thì gần. Quan Tử Dương, Hiệu ý đất Trường Thủy, cho rằng trời ở trên đầu thì xa, trời ở bốn bên thì gần. Vì tinh tú vào lúc hoàng hôn, mọc ở phương Đông, cách nhau rất xa, hơn cả một trượng. Nửa đêm nằm ở trên đầu, nhìn thấy san sát, chỉ cách nhau một hai thước mà thôi. Mặt trời là dương của trời, lửa là dương của đất. Dương của đất thì bay lên, dương của trời thì hạ xuống. Nếu sai đặt lửa dưới đất, từ bên cạnh và ở trên mà xét sức nóng, do xa gần không giống nhau, nên sức nóng sai biệt hẳn một nữa. Giữa trưa, mặt trời ở trên đầu, đang lúc dương của trời đang ở trên, nên nóng hơn khi mới mọc. Lúc khác, vì sức nóng từ trong thái dương tỏa ra, nên mát hơn. Mặt trời chiều ở phương Tây, trong đám cây dậu, tuy cùng độ lớn nhỏ như buổi sáng, nhưng khí chất không giống như buổi sáng vậy”.

Luận hành nói: “Xét rằng mặt trời mặt trăng không tròn, nhìn thấy như tròn, do ở xa người vậy. Xét rằng mặt trời là tinh của lửa. Ở dưới đất, nước lửa đều không tròn. Ở trên trời, lửa sao lại tròn được? Mặt trời mặt trăng ở trên trời cũng giống ngũ tinh. Ngũ tinh cũng giống các tinh tú khác, đều không tròn. Vì ánh sáng mà thấy như tròn thôi. Làm sao biết được điều này? Vào thời Xuân thu, có vân thạch rơi xuống kinh đô nước Tống, nhìn giống cục đá. Đá vốn không tròn. Do đó, biết rằng mặt trời mặt trăng cũng không tròn được”. Luận hành nói: “Nhà Nho bảo trong mặt trời có con quạ ba chân. Mặt trời là lửa. Quạ vào lửa thì cháy nát tan, làm sao đứng yên lành được? Như thế, quạ chỉ là khí của mặt trời”.



Thiên Suy Độ Tai trong kinh Thi nói: “Mông ba trắng tối. Mông tám trắng sáng. Cóc vàng thành dáng. Thổ bạc mới nhô”. (Trương Tuân chú thích Quyết tị là trắng).

Diễn Khổng Đồ trong Xuân Thu nói: “Thiền thờ là tinh của mặt trăng”. Nguyên Mệnh Bao trong Xuân Thu nói: “Mặt trăng là tinh của âm, mỗi ngày đi được mười ba độ, thường bỏ chức mà nhận thấy tinh của dương. Nhận tinh sáng ở trong, nên chứa kim và thủy trong đó”.

Thủy Khai của Hà Đồ nói: “Bụi của tuổi vàng bốc lên làm mây xanh. Bụi của tuổi đỏ bốc lên làm mây đỏ. Bụi của tuổi trắng bốc lên làm mây trắng. Bụi của tuổi đen bốc lên làm mây đen”. (Hoài Nam Tử cũng chép thế).

Quát Địa Tượng của Hà Đồ nói: “Núi Côn Luân phát ra hơi mây ngũ sắc”. Thuyết Quả của Dịch nói: “Tốn là gió. Lấy chuyển vận vật thì chẳng có gì hơn gió mạch. Gió để chuyển động vận vật”.

Đế Thông Kỷ của Hà Đồ nói: “Gió là sự sai sử của trời đất”.

Nhĩ nhĩ nói: “Khí hậu bốn mùa điều hòa là Thông chánh, gọi là Cảnh phong (Lý Tuần nói Cảnh phong là gió thái bình). Gió Nam gọi là Phiêu phong. Gió Đông gọi là Cốc phong. Gió Bắc gọi là Lương phong. Gió Tây gọi là Thái phong. Phần luân gọi là Đồi (Quách Phác chú thích là gió từ trên trời thổi xuống). Gió có lửa gọi là Đôn (Đôn là mạnh mẽ). Nhân nổi gió gọi là Phiêu. Mặt trời mọc có gió gọi là Bạo. Gió đổ mưa đất bụi xuống gọi là Mai. Trời tối tăm và gió nổi lên gọi là Ế”.

Kê Lãm Đồ của Dịch nói: “Dương hạ xuống làm gió. Gió do dương hạ xuống không lay cành cây kêu lên”.

Thuyết Quả của Dịch nói: “Chấn là sấm. Lay động vận vật, chẳng có gì lớn hơn sấm”.

Đế Thông Kỷ của Hà Đồ nói: “Sấm là trống của trời đất”.

Tả Truyện nói: “Chứa băng đúng lúc thì sấm nổ thành sét. Bỏ băng không chứa thì có sấm mà không có sét”.

Nguyên Mệnh Bao trong Xuân Thu nói: “Âm dương hợp lại thành sấm”. Sư Khoáng đoán rằng: “Sấm xuân bắt đầu nổi, kêu lách bách cách cách. Tiếng sét của nó gọi là sấm trống, đó là khí hạn hán. Nếu kêu ì ầm không lớn, tiếng sét như thế gọi là sấm mái, đó là khí của nước”. Sư Khoáng lại đoán rằng: “Vào lúc Xuân phân, mưa có tiếng sấm, giống sấm mà không phải sấm. Tiếng ở trong đất, trong chỗ ấy ngầm nổi điềm bệnh. Nếu không mây mà có tiếng sấm, gọi là Thiên cầu, điềm ấy xảy ra, không quá ba năm, nước nhà sẽ gặp họa”.

Thủy Khai Đồ của Hà Đồ nói: “Dương kích động thành

sấm”.

Kê Lãm Đồ của Dịch nói: “Âm dương hòa hợp lại, tia chớp rực rỡ, ánh sáng lóe dài”.

Nguyên Mệnh Bao trong Xuân Thu nói: “Âm dương xung kích thành tia chớp”.

Thiên Quan Thứ của Sử Ký nói: “Tia chớp là do chuyển động của âm dương”.

Cốc Lương truyện nói: “Ẩn công bảo là đình lôi”. (Nghĩa là sấm nổ nhanh, nay gọi là sét đánh).

Thuyết Văn nói: “Sét đánh là đánh vạn vật vậy”.

Tích Danh nói: “Sét đánh là bể gãy. Sét đánh là đánh phá. Chỗ bị đánh lập tức vỡ tan, cũng như đánh phá ra vậy”.

Dị Uyển nói: “Sa-môn Thích Tuệ Viễn tu luyện ở Lô Sơn. Từng có con rồng bay lượn trước mắt. Ngài nổi giận, lấy đá ném trúng. Rồng nhào lộn bay lên, bỗng nổi lên cơn lốc sáng lập lòe. Ngài biết do rồng ấy gây nên, liền lên núi thấp hương, tập hợp đệ tử cùng cất tiếng tụng kinh kệ. Lập tức, sét đánh trả lại viên đá ném trúng con rồng. Mây mưa mới lặng yên”.

Dị Uyển nói: “Giặc Khuất Phục Quốc Nhân đời Tây Tần hung tàn bạo ngược, từng bị sét đánh trúng. Về sau, mỗi lần cất mình đi ra ngoài, viết lên sau lưng bốn chữ để che đậy tội ác của mình. Quốc Nhân ít khi đi đâu mà quên làm điều này”. Tụng rằng:

*“Vàng vạc nhật nguyệt,  
Lấp lánh sao trời.  
Ngày nhật, đêm nguyệt,  
Bóng tối còn nơi?  
Mọc lên rạn rỡ.  
Lặn xuống mờ mờ.  
Đầy vơi ẩn hiện,  
Hối sợ chuyển dời.  
Tinh tú phân bố,  
Phước thọ linh oai.  
Thánh nhân thiết lập,  
Tùy nghiệp sáng soi.  
Rồng mây gặp hội,  
Lên xuống đổi ngôi,  
Kích động sấm sét,  
Mưa nắng kịp thời”.*

